

Số: 155 /KH-LL

Tân Phú, ngày 04 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện ba công khai năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ kế hoạch năm học của Trường THCS Lê Lợi, Trường THCS Lê Lợi đề ra kế hoạch thực hiện ba công khai năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu, chi tài chính...

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường trong quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nhằm nâng cao ý thức và tinh thần trách nhiệm trong đội ngũ cán bộ quản lý và tập thể giáo viên nhà trường ý thức trách nhiệm và tinh thần cộng đồng trong công tác.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra giúp quản lý tốt việc thu, chi ngân sách cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ cha mẹ học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng tập thể có tình đoàn kết nội bộ tốt.

II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN CÔNG KHAI

- Việc thực hiện công khai phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định trong Quy chế ban hành kèm theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tin được công khai tại bảng tin trường, thông báo trực tiếp đến CMHS...phải chính xác, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

- Thực hiện 3 công khai đảm bảo tính công bằng, khách quan, đánh giá đúng việc thực hiện quy định của cấp và ngành về công khai minh bạch các hoạt động trong nhà trường, chi ngân sách, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, chống tham nhũng trong nội bộ trong trường.

- Thực hiện 3 công khai đảm bảo đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, giúp cho giáo viên nhận thấy những điểm mạnh, yếu của quá trình giảng dạy của mình để có hướng phấn đấu rèn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề,

giúp phụ huynh thấy được mặt mạnh, yếu của học sinh để phối hợp cùng giáo dục trở thành con người toàn diện.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Thực hiện theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế.

a. Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của trường, chương trình giáo dục của Bộ GD-ĐT, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

b. Chất lượng giáo dục thực tế: Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ tuyển sinh 10.

c. Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

d. Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

a. Cơ sở vật chất: Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp. Công khai danh mục mua sắm tài sản cố định, các thiết bị phục vụ hàng năm.

b. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu, chi tài chính.

a. Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế.

b. Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học.

c. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học: thực hiện chính sách miễn, giảm học phí

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Đối với ba nội dung công khai:

a. Công khai trên trang thông tin điện tử của trường vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

b. Niêm yết công khai tại trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công khai: hàng tháng, cuối học kỳ, cuối năm học hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian công khai: ít nhất 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

Bất cứ lúc nào khi nhà trường hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

Đối với GV, CNV, các thông tin trên được công khai qua các phiên họp liên tịch, họp Hội đồng sư phạm và bảng tin ở phòng giáo viên.

2. Đối với học phí và các khoản thu khác thực hiện công khai như sau:

a. Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi nhà trường thực hiện tuyển sinh.

b. Đối với học sinh đang học tại trường: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

Thông báo các khoản thu đầu năm dựa trên các văn bản hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo Quy chế. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý theo từng học kỳ.

2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và UBND quận Tân Phú trước ngày 30 tháng 9 hàng năm.

3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của trường.

4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra bằng các hình thức sau đây:

a. Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của

trường.

b. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc học sinh xem xét.

c. Đưa lên trang thông tin điện tử của trường./.

Nơi nhận:

- Cấp ủy Chi bộ;
- Phòng GD&ĐT Quận;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng chuyên môn,
- Tổ trưởng Văn phòng;
- BCH Công đoàn, BCH Chi đoàn;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Thuận

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Phú, ngày 04 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	HS hoàn thành chương trình tiểu học	HS đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư 22.		HS đủ điều kiện lên lớp theo Thông tư 58, Thông tư 26
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành			
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Liên hệ thường xuyên: Thông báo, thư mời. - Liên hệ định kỳ: Họp 3-4 lần/năm. - Học tập nghiêm túc, tích cực.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Hoạt động ngoài giờ lên lớp, TNHN. - Sinh hoạt Đoàn, Đội. - Tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, về nguồn...			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Sức khỏe: Tốt. - Hạnh kiểm: Tốt 94%, Khá: 5,5%, TB: 0,5%. - Học lực: Giỏi: 45%, Khá: 39%, TB: 15,5%, Yếu: 0,5%, Kém: 0%.			
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Có thể tiếp tục học ở lớp trên			

Nơi nhận:

- Cấp ủy Chi bộ;
- Phòng GD&ĐT Quận;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng chuyên môn,
- Tổ trưởng Văn phòng;
- BCH Công đoàn, BCH Chi đoàn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Thuận

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Phú, ngày 04 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	2595	777	501	670	647
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93,6	98,07	94,21	91,64	89,8
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5,78	1,93	5,79	7,02	9,12
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0,62	0,00	0,00	1,34	1,08
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	44,78	48,52	43,11	54,03	31,99
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38,92	40,28	41,92	33,73	40,34
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	15,65	10,94	14,57	10,3	27,67
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0,65	0,26	0,4	1,94	0,00
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99,85	100	99,8	99,55	100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	27,36	11,97	10,38	53,73	31,68
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	35,88	36,55	32,34	33,13	40,65
2	Thì lại (tỷ lệ so với tổng số)	0,66	0,26	0,40	1,94	0,00
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0,15	0,00	0,2	0,45	0,00
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	1,59/ 2,35	1,03/ 1,03	3,76/ 3,56	1,33/ 1,48	0,88/ 3,83

5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	24 (0,91)	0,26	0,99	0,89	1,62
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					23
2	Cấp tỉnh/thành phố					13
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	647				647
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	647				647
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31,68				31,68
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	40,65				40,65
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	27,67				27,67
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	1370/ 1225	408/ 369	258/ 243	367/ 303	337/ 310
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	40	10	7	11	12

Nơi nhận:

- Cấp ủy Chi bộ;
- Phòng GD&ĐT Quận;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng chuyên môn,
- Tổ trưởng Văn phòng;
- BCH Công đoàn, BCH Chi đoàn;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG**Trần Thị Thuận**

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Phú, ngày 04 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	33	0,98 m ² /HS
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	33	0,98 m ² /HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	7	0,98 m ² /HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	33	0,98 m ² /HS
7	Bình quân lớp/phòng học	2	2 lớp/phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	45	45 HS/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	7.095	2,73 m ² /HS
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2.083	0,8 m ² /HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	0,98 m ² /HS
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	48	0,98 m ² /HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	72	1,74 m ² /HS
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	0
5	Diện tích phòng Đoàn Đội, phòng truyền thống	48	0,98 m ² /HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	3	3 bộ/19 lớp
1.2	Khối lớp 7	3	3 bộ/17 lớp
1.3	Khối lớp 8	2	2 bộ/11 lớp
1.4	Khối lớp 9	3	3 bộ/15 lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	5	0
2.2	Khối lớp 7	5	0
2.3	Khối lớp 8	5	0

2.4	Khối lớp 9	5	0
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	123	1
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	37	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0	
5	Bảng tương tác...	3	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*					
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	24 m ²		288 m ²		0,22

(*Theo Thông tư số 32/2023/TT-BGDĐT ngày 15/9/2023 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện đảm bảo hợp vệ sinh)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (cáp quang)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Nơi nhận:

- Cấp ủy Chi bộ;
- Phòng GDĐT Quận;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng chuyên môn,
- Tổ trưởng Văn phòng;
- BCH Công đoàn, BCH Chi đoàn;
- Lưu: VT.

HIỆU/TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
LÊ LỢI

Trần Thị Thuận

UBND QUẬN TÂN PHÚ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÊ LỢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tân Phú, ngày 04 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	Hạng III	Hạng II	Hạng I	XS	Khá	TB	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	119		6	101	3	2	1	36	70		83	17		
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	103		4	97	1			36	67		80	17		
1	Ngữ văn	15			15				1	14		15			
2	Lịch sử	7			6				4	3		2	4		
3	Địa lý	5		1	4				3	2		2	3		
4	GDCD	5		1	4				2	3		3	1		
5	Tiếng Anh	15			14	1			3	12		14	1		
6	Toán	19			19				5	14		13	5		
7	Vật lý	6			6				3	3		5			
8	Hóa học	6		1	5				2	4		5			
9	Sinh học	7			7				6	1		6	1		
10	Công nghệ	4			4				3	1		3	1		
11	Thể dục	8			8				2	6		6	1		
12	Âm nhạc	3		1	2				1	2		3			
13	Mỹ thuật	3			3				1	2		3			
14	Tin học	0													
II	Cán bộ quản lý	3		2	1					3		3			

1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	2		1	1					2		2			
III	Nhân viên	13			3	2	2	1							
1	Thiết bị	1				1									
2	Thư viện	1			1										
3	Kế toán	1			1										
4	Văn thư	1			1										
5	Thủ quỹ	0													
6	Y tế	1					1								
7	HTGDKT	1				1									
8	CNTT	1					1								
9	Bảo vệ	3						1							
10	Phục vụ	3													

Nơi nhận:

- Cấp ủy Chi bộ;
- Phòng GDĐT Quận;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng chuyên môn,
- Tổ trưởng Văn phòng;
- BCH Công đoàn, BCH Chi đoàn;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG****Trần Thị Thuận**